PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN
*****

BẢNG KÊ THỰC PHẨM

Ngày 15 tháng 03 năm 2025

- Người mua hàng: .....

- Chức vụ: .....

STT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn vị tính	Số lượng (kg)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Khẩu phần mẫu		Khẩu phần thường					
				MG	NT	MG	NT		MG	NT	
1	Sữa bột toàn phần	Kg	1,00			0,71	0,29	275.400	195.534	79.866	275.400
2	Gạo tẻ máy	Kg	4,40			3,10	1,30	25.200	78.120	32.760	110.880
3	Thịt ngan	Kg	1,50			1,05	0,45	178.500	187.425	80.325	267.750
4	Thit lợn mông	Kg	1,10			0,70	0,40	142.800	99.960	57.120	157.080
5	Đậu phụ	Kg	0,60			0,40	0,20	34.560	13.824	6.912	20.736
6	Khoai tây	Kg	0,70			0,50	0,20	25.200	12.600	5.040	17.640
7	Cà rốt	Kg	0,70			0,50	0,20	23.100	11.550	4.620	16.170
8	Cà chua	Kg	0,60			0,40	0,20	27.300	10.920	5.460	16.380
9	Cải bắp	Kg	1,60			1,20	0,40	23.100	27.720	9.240	36.960
10	Thịt lợn nạc	Kg	0,40			0,25	0,15	159.600	39.900	23.940	63.840
11	Hành lá (hành hoa)	Kg	0,10			0,07	0,03	65.100	4.557	1.953	6.510
12	Rau mùi	Kg	0,10			0,07	0,03	79.800	5.586	2.394	7.980
13	Dầu đậu tương	Kg	0,40			0,24	0,16	71.280	17.107	11.405	28.512
14	Bột canh	Kg	0,15			0,10	0,05	29.160	2.916	1.458	4.374
15	Nước mắm cá	Kg	0,10			0,07	0,03	25.920	1.814	778	2.592
16	Hành củ tươi	Kg	0,11			0,08	0,03	73.500	5.880	2.205	8.085
17	Cam ngọt	Kg	3,50			2,30	1,20	44.100	101.430	52.920	154.350
18	Gạo nếp cái	Kg	2,50			2,50		31.500	78.750		78.750
19	Thịt lợn nạc	Kg	1,00			1,00		159.600	159.600		159.600
20	Đường kính	Kg	0,10			0,10		29.400	2.940		2.940
21	Gạo tẻ máy	Kg	0,60				0,60	25.200		15.120	15.120
22	Gạo nếp cái	Kg	0,20				0,20	31.500		6.300	6.300
23	Ngao	Kg	2,60				2,60	27.300		70.980	70.980
24	Thit lợn mông	Kg	0,50				0,50	142.800		71.400	71.400
25	Cà rốt	Kg	0,30				0,30	23.100		6.930	6.930
26	Rau răm	Kg	0,05				0,05	65.100		3.255	3.255
	Cộng								**1.058.134**	**552.380**	
	Tổng cộng								**1.610.514**		

Người phụ trách	Kế toán	Người nhận	Người mua
Nguyễn Thị Lưu		Phùng Thị Mai	

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN
UỶ BAN NHÂN DÂN H. AN LÃO HẢI PHÒNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN

*****

BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN

Ngày 15 tháng 03 năm 2025

*** Tổng số suất ăn: 69** **- 3 tuổi: 15** **- Cháo:**

Trong đó: + Mẫu giáo: 45 **- 4 tuổi: 17** **+ Nhà trẻ: 24** **- Cơm nát:**

- 5 tuổi: 13 **- Cơm thường: 24**

STT	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
						P				L				G			
						ĐV		TV		ĐV		TV					
		MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT
1	Sữa bột toàn phần	0,71	0,29	0,71	0,29	191,7	78,3			184,6	75,4			269,8	110,2	3.507,4	1.432,6
2	Gạo tẻ máy	3,10	1,30	3,10	1,30			244,9	102,7			31,0	13,0	2.352,9	986,7	10.664,0	4.472,0
3	Thịt ngan	1,05	0,45	0,47	0,20	84,1	36,0			103,0	44,1					1.261,6	540,7
4	Thit lợn mông	0,70	0,40	0,69	0,39	130,3	74,5			255,9	146,2					2.305,0	1.317,1
5	Đậu phụ	0,40	0,20	0,40	0,20			43,6	21,8			21,6	10,8	2,8	1,4	380,0	190,0
6	Khoai tây	0,50	0,20	0,44	0,17			8,7	3,5			0,4	0,2	90,9	36,4	404,6	161,8
7	Cà rốt	0,50	0,20	0,45	0,18			6,7	2,7			0,9	0,4	34,9	14,0	174,5	69,8
8	Cà chua	0,40	0,20	0,38	0,19			2,3	1,1			0,8	0,4	15,2	7,6	76,0	38,0
9	Cải bắp	1,20	0,40	1,08	0,36			19,4	6,5			1,1	0,4	57,2	19,1	313,2	104,4
10	Thịt lợn nạc	0,25	0,15	0,25	0,15	46,6	27,9			17,2	10,3					340,6	204,3
11	Hành lá (hành hoa)	0,07	0,03	0,06	0,02			0,7	0,3					2,4	1,0	12,3	5,3
12	Rau mùi	0,07	0,03	0,06	0,03			1,5	0,7			0,3	0,1	0,1	0,1	9,5	4,1
13	Dầu đậu tương	0,24	0,16	0,24	0,16							240,0	160,0			2.160,0	1.440,0
14	Bột canh	0,10	0,05	0,10	0,05												
15	Nước mắm cá	0,07	0,03	0,07	0,03	3,6	1,5			0,0	0,0			2,5	1,1	24,5	10,5
16	Hành củ tươi	0,08	0,03	0,06	0,02			0,8	0,3			0,2	0,1	2,7	1,0	15,8	5,9
17	Cam ngọt	2,30	1,20	1,58	0,83			14,3	7,4			1,6	0,8	131,5	68,6	602,2	314,2
18	Gạo nếp cái	2,50		2,50				215,0				37,5		1.862,5		8.600,0	
19	Thịt lợn nạc	1,00		0,98		186,2				68,6						1.362,2	
20	Đường kính	0,10		0,10										99,3		397,0	
21	Gạo tẻ máy		0,60		0,60				47,4				6,0		455,4		2.064,0
22	Gạo nếp cái		0,20		0,20				17,2				3,0		149,0		688,0
23	Ngao		2,60		0,52		49,4				12,0				25,5		405,6
24	Thit lợn mông		0,50		0,49		93,1				182,8						1.646,4
25	Cà rốt		0,30		0,27				4,0				0,5		20,9		104,7
26	Rau răm		0,05		0,04				1,8						1,1		11,3
	Cộng					**642,5**	**360,8**	**558,0**	**217,4**	**629,2**	**470,8**	**335,4**	**195,7**	**4.924,8**	**1.899,0**	**32.610,3**	**15.230,7**
	Bình quân thực tế /1 trẻ					**14,3**	**15,0**	**12,4**	**9,1**	**14,0**	**19,6**	**7,5**	**8,2**	**109,4**	**79,1**	**724,7**	**634,6**
	Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%,G:					**11,7**	**11,4**	**7,8**	**7,6**	**11,6**	**13,6**	**5,0**	**5,8**	**78,0**	**68,8**	**615,0**	**600,0**
	Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%,G:5					**21,3**	**19,1**	**14,2**	**12,7**	**19,1**	**19,6**	**8,2**	**8,4**	**106,2**	**79,4**	**726,0**	**651,0**

Quyết toán trong ngày

- Tiêu chuẩn được chi:	1.587.000 đ
- Hôm trước mang sang:	1.791 đ
- Đã chi:	1.610.514 đ
- Thừa:	
- Thiếu:	23.514 đ
- Luỹ kế:	-21.723

Thực đơn

*** Bữa sáng:**	- Cơm,thịt ngan hầm khoai tây cà rốt
	- Canh rau cải bắp nấu thịt băm/Cam
*** Bữa chiều:**	- MG: Xôi thịt kho tàu
	- NT: Cháo ngao hành răm
***Ăn giữa giờ:**	- Sữa bột Shuzi